

Bản án số: 44/2024/HS-ST

Ngày 16 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Chỉnh

Ông Lý Chí Sung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Phùng Mai Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2024/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hàng A P**; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 13/4/1998 tại tỉnh L. Nơi cư trú: Bản Suối T, xã Sùng Ph, thành phố L, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Hàng A S, sinh năm 1970. Con bà: Châu Thị S1, sinh năm 1977; Có vợ là Cừ Thị D, sinh năm 1997 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018. Anh chị em ruột: Bị cáo có 4 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2024 cho đến nay tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố L, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Hồi 18 giờ 45 phút, ngày 04/3/2024, tổ công tác của của Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố L, tỉnh L phối hợp với Công an phường Đoàn K, thành phố L làm nhiệm vụ tại khu vực đường 4D, tổ 10, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L thì phát hiện Hàng A P đang đi đứng một mình trên đường có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra, Hàng A P tự giác lấy từ bên trong túi áo khoác đang mặc (túi ngực bên trái) ra 01 gói được gói bên ngoài bằng mảnh giấy một mặt màu trắng một mặt màu vàng bên trong chứa chất bột

màu trắng. Theo Hàng A P khai đó là Heroine, P tàng trữ để sử dụng. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng để điều tra, làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, Hàng A P khai nhận: Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là vào khoảng 14 giờ 00 phút, cùng ngày 04/3/2024 P đi bộ một mình từ nhà ở Suối T, xã Sùng Ph, thành phố L đến khu vực đồi chè thuộc tổ 28, phường Đ, thành phố L, tỉnh L thì gặp một người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch, nhìn giống người nghiện nên hỏi mua ma túy để sử dụng. Qua trao đổi P mua được của người phụ nữ 01 gói ma túy có đặc điểm như trên với giá 300.000 đồng. Sau khi mua được gói ma túy P lên đồi chè gần đó sử dụng một ít bằng hình thức hít, sau đó gói số Heroine còn lại P cất giấu vào trong túi áo khoác đang mặc (túi ngực bên trái) rồi đi bộ về nhà không để cho ai biết. Đến 18 giờ, ngày 05/3/2024 P tiếp tục mặc chiếc áo trên (trong túi áo có cất giấu số Heroine mua được ngày 04/3/2024) rồi đi bộ từ nhà đến khu vực đường 4D thuộc tổ 10, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L tìm chỗ sử dụng thì bị cơ quan điều tra phát hiện, bắt quả tang.

Kết luận giám định số: 10/KLGD ngày 05/3/2024 của người giám định tư pháp theo vụ việc kết luận: Số chất bột màu trắng thu giữ của Hàng A P trong quá trình bắt quả tang ngày 05/3/2024 có khối lượng là 0,40gam. Trích lấy 0,19 gam gửi làm mẫu vật gửi giám định.

Kết luận giám định số: 284/KL-KTHS ngày 07/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: 01(một) Mẫu chất bột, màu trắng gửi đến giám định là ma túy, loại Heroine (không hoàn lại mẫu vật gửi giám định).

Cáo trạng số: 29/CT-VKSTP ngày 18/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố Hàng A P về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hàng A P phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hàng A P từ 20 đến 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì công văn của Công an thành phố L phát hành, các mép được dán kín (theo hồ sơ bên trong là: 0,21 gam Heroine, 01 mảnh giấy một mặt màu trắng một mặt màu vàng. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát và không có ý kiến đối đáp, tranh luận gì.

Tại lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, các Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, kết luận giám định ... được xem xét và tranh tụng công khai tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Hồi 18 giờ 45 phút, ngày 05/3/2024 tại khu vực đường 4D thuộc tổ 10, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L. Hàng A P đang tàng trữ trái phép 0,40gam Heroine với mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Bị cáo Hàng A P là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi của bị cáo Hàng A P có đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hàng A P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Hơn nữa, bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo

để tiếp tục răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên về mức hình phạt của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tại phiên tòa có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử cần xem xét, cân nhắc khi áp dụng hình phạt với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng; Gia đình bị cáo là hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 0,21gam Heroine còn lại là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 mảnh giấy một mặt màu vàng một mặt màu trắng là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, theo lời khai của Hàng A P, nguồn gốc số Heroine bị thu giữ là do mua của một người phụ nữ do P không rõ nhân thân, lai lịch nên cơ quan điều tra không thể điều tra, làm rõ vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có đề nghị miễn án phí nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa cơ bản phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136, các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Hàng A P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hàng A P 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2024

3. Về vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì công văn của Công an thành phố L phát hành, các mép được dán kín (theo hồ sơ bên trong là: 0,21 gam Heroine, 01 mảnh giấy một mặt màu vàng một mặt màu trắng).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2024 giữa Công an thành phố L và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hàng A P

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Sở Tư pháp tỉnh L;
- Công an TP L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Tòng Thị Tuyết